TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1-VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2026/HS - ST
Ngày: 07-5-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1-VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Tú
Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Thanh

Bà Lê Thị Tú Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số: 38/2026/TLST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2026/QĐXXST - HS ngày 16 tháng 4 năm 2026 đối với:

- *Bị cáo*: Lê Nhật D, sinh ngày 26/12/1996, tại tỉnh Bến Tre (nay là tỉnh Vĩnh Long)

Nơi cư trú: Số B, ấp L, xã V, tỉnh Vĩnh Long; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Thanh T, sinh năm 1973 và bà Lê Thị D1, sinh năm 1972; bị cáo có vợ là Hồ Thị Kim T1, sinh 1998 và 03 người con lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2020.

Tiền án: 01, ngày 10/02/2015 bị Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xử phạt 02 năm tù về tội trộm cắp tài sản Bản án số 01/2015/HSST ngày 10/02/2015 (ra tù ngày 13/01/2017 chưa đóng tiền án phí Hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm);

Tiền sự: không;

Nhân thân: ngày 14/3/2023 sử dụng trái phép chất ma tuý bị công an xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre xử phạt hành chính 1.500.000đ (chưa đóng phạt); Bị cáo bị áp dụng

biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13 tháng 12 năm 2025 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*: Bà Danh Sờ K, sinh năm 1970 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp Tân Phú, xã Đông Phước, Thành phố Cần Thơ

Tạm trú: ấp Phú Long A, xã Phú Quới, tỉnh Vĩnh Long

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Lê Thị D1, sinh 1972 (có mặt)

Trú tại: ấp P, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Nhật D và ông Nguyễn Quốc K1 thuê cùng khu nhà trọ của chị Lê Thị Mỹ H, ngày 11/8/2025 Lê Nhựt D2 mượn chiếc xe Attila biển số 65H9-3565 của ông K1 để đi lại; ngày 16/8/2025, D2 cần xe để đưa vợ là Hồ Thị Kim T1 về quê ở ấp L, nhưng do chiếc xe Attila Duy mượn của ông K1 là xe cũ, sợ bị hư hỏng dọc đường, nên D2 đến tiệm cầm đồ của anh Nguyễn Quốc T2 đổi chiếc xe cup 50 biển số 61-8982 là tài sản thuộc quyền sở hữu của D2 đang cầm cố tại tiệm của anh T2, D2 để chiếc xe Attila của ông K1 lại tiệm cầm đồ và lấy chiếc cup 50 để về quê. Đến sáng ngày 17/8/2025 D2 quay lại nhà trọ và đi làm, nên chưa kịp đến tiệm cầm đồ của anh T2 để đổi lại xe. Khoảng 12 giờ 30 phút, thì ông K1 qua phòng trọ của D2, không thấy chiếc xe của mình, nên ông K1 cho rằng D2 đã đem cầm cố chiếc xe của ông, sau đó ông K1 và D2 đánh nhau qua lại bằng tay. Ông K1 bực tức và kể lại sự việc cho vợ là D3 Sờ K nghe, khoảng 20 phút sau, bà K cùng con gái là Trần Hồng P và con trai Nguyễn Danh Khắc T3 đến phòng trọ của ông K1, đứng trước phòng trọ của ông K1 và D2 và chửi thề và nói "thằng nào lấy xe chồng tao đi cầm, xe chồng tao đâu, tụi bây không trả thì chém chết mẹ". D2 không giải thích cho bà K hiểu việc liên quan đến xe của ông K1 mà trả lời "Bà muốn gì thì hỏi ổng (ông K1) thì biết, bà đứng đây chửi hoài là tôi chém bà đó". Sau đó bà K bỏ đi ra lộ đứng và tiếp tục chửi. D2 bị bà K chửi thì bực tức, nên D2 liền chạy vào trong phòng trọ ra phía sau bếp lấy con dao, loại dao tự chế bằng kim loại, cán bằng sắt, lưỡi sắc nhọn, dài 80cm, hung hăng chạy ra chém bà K. Chị P thấy vậy liền nắm tay D2 kéo lại để can ngăn, D2 vùng vẫy thoát ra được và chạy đến nơi bà K đang đứng, D2 cầm dao tay phải chém từ trên xuống một cái trúng trán phải của bà K gây thương tích. Bà K được đưa đi cấp cứu Đa khoa Vĩnh Long đến ngày 20/8/2025 ra viện.

Ngày 29/8/2025, bà Danh Sờ K có đơn yêu cầu xử lý hình sự, khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với D2.

Tại kết luận giám định số 241/KLTTCT-TTPY ngày 07/10/2025 của Trung tâm Pháp Y tỉnh V kết luận vết thương trán (P) # 5cm do vật sắc gây ra, hiện tại sẹo kích thước 6 x 0,2cm, không di chứng cố tật. Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Danh Sờ K tại thời điểm giám định là 03%.

Tại Bản kết luận giám định số 150 ngày 15/9/2025 của Phòng K3 Công an tỉnh V, kết luận: con dao mẫu vật gửi giám định là dao sắc, nhọn thuộc Phụ lục 5 "Danh mục dao có tính sát thương cao" của Thông tư 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ C.

Căn cứ vào Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ xác định hành vi của Lê Nhật D sử dụng "dao có tính sát thương cao" gây thương tích cho người khác đã phạm vào điểm d khoản 2 Điều 2 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ là hành vi "sử dụng trái phép vũ khí quân dụng.

Đối với việc đánh nhau giữa D với ông K1 không gây thương tích cho nhau, không ảnh hưởng đến sức khoẻ. D và ông K1 không yêu cầu giám định thương tích, không yêu cầu bồi thường. Do đó, không có căn cứ xử lý.

Đối với việc D mượn xe Attila biển số 65H9 – 3565 của ông K1, sau đó thế chấp cho anh T2 không có dấu hiệu lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản do D không ý định chiếm đoạt chiếc xe này mà chỉ đổi với xe của D đang cầm cố tại tiệm của anh T2. Cùng ngày 17/8/2025 anh T2 đã trả xe cho ông K1, ông K1 không có yêu cầu gì. Anh T4 cũng không yêu cầu D trả lại cho anh T4 số tiền 500.000đ.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng:

Tạm giữ: 01 con dao tự chế bằng kim loại, cán bằng sắt, lưỡi sắc nhọn, chiều dài 80cm, trong đó chiều dài cán 20cm, chiều dài lưỡi dao 60cm, ngang rộng nhất lưỡi dao là 3.2cm

Hiện đang nhập kho theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 02/4/2026 của Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 1-Vĩnh Long.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Danh Sờ K yêu cầu bồi thường chi phí điều trị là 2.500.000đ, ngày công lao động 14 ngày x 400.000đ = 5.600.000đ, tiền mất thu nhập của người nuôi bệnh 4 ngày x 400.000đ = 1.600.000đ, tiền tổn thất tinh thần 8.000.000đ, tổng cộng là 17.700.000đ, D đã đưa trước cho bà K 3.500.000đ, bà K yêu cầu D bồi thường cho bà số tiền còn lại là 14.200.000đ, ngoài ra không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại bản Cáo trạng số 12/CT-VK-KV1, ngày 01 tháng 4 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1- Vĩnh Long truy tố Lê Nhật D về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự và tội "Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng" theo quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự.

-*Tại phiên tòa*:

+ Bị cáo D thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, công nhận cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long đối với hành vi phạm tội của bị cáo là hung hăng, côn đồ. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đúng người, đúng tội, không oan sai. Quá trình điều tra không có ai ép cung bị cáo.

+ Bị hại: Bà Danh Sơ K2 yêu cầu:

Về trách nhiệm hình sự: Bà K2 yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo có 03 con còn quá nhỏ.

Về trách nhiệm dân sự: Bà K2 yêu cầu bị cáo D bồi thường cho bà tiền chi phí điều trị bệnh theo hoá đơn là 2.316.589đ; tiền mất thu nhập trong thời gian điều trị bệnh (4 ngày) và nghỉ ngơi sau điều trị (14 ngày) tổng cộng là 18 ngày x 400.000đ/ngày = 7.200.000đ; tiền mất thu nhập của người nuôi bệnh 4 ngày x 400.000đ/ngày = 1.600.000đ; tiền tổn thất tinh thần bằng 02 tháng lương cơ sở (2 x 2.340.000đ) = 4.680.000đ, tổng cộng là 15.796.589đ. D đã đưa cho bà trước 5.500.000đ, còn lại 10.296.589đ. Bà K2 chỉ yêu cầu D bồi thường cho bà số tiền là 10.200.000đ.

+ Bị cáo Lê Nhật D đồng ý bồi thường cho bà K2 số tiền: 10.200.000đ

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Lê Thị D1 trình bày: Bà có đưa cho bị hại Danh S Khan số tiền 5.500.000đ thay cho D để bồi thường thiệt hại cho bà K2, số tiền này bà tặng cho D, không yêu cầu D trả tiền lại cho bà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long vẫn giữ quan điểm truy tố hành vi phạm tội của bị cáo Lê Nhật D. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Nhật D phạm tội "Cố ý gây thương tích" và tội "Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng"

+ Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 134; khoản 1 Điều 304; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt Lê Nhật D từ 09 tháng đến 01 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích" và 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội "Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng". Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt của hai tội từ 01 năm 09 tháng đến 02 năm 06 tháng tù.

+ Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS, tịch thu tiêu hủy các vật chứng gồm: 01 cây loại dao tự chế bằng kim loại, cán bằng sắt, lưỡi sắt nhọn, chiều dài con dao 80 cm, trong đó chiều dài cán 20 cm, chiều dài lưỡi dao 60 cm, ngang rộng nhất lưỡi dao 3,2 cm.

+ Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 590 của Bộ luật Dân sự.

Bị hại Danh Sờ K yêu cầu bồi thường chi phí điều trị và các khoản khác gồm: Tiền điều trị: 2.316.589 đồng; tiền thu nhập thực tế bị giảm sút 4 ngày nằm viện 4 ngày x 400.000 đồng =1.600.000 đồng; Sau khi về nhà sức khoẻ bị giảm nghĩ dưỡng sức khoẻ 14 ngày x 400.000 đồng = 5.600.000 đồng; tiền mất thu nhập của người nuôi bệnh 04 ngày x 400.000 đồng/ ngày = 1.600.000 đồng; tiền tổn thất tinh thần 02 tháng lương cơ sở x 2.340.000 / tháng = 4.680.000 đồng. Tổng cộng yêu cầu bị cáo D bồi thường

15.796.000 đồng, bị cáo D đã bồi thường 5.500.000 đồng. Còn lại số tiền 10.296.000 đồng. Bà K chỉ yêu cầu bị cáo D bồi thường số tiền 10.200.000 đồng.

Buộc bị cáo D phải bồi thường cho bà khan số tiền còn lại là 10.200.000 đồng

- Án phí: Áp dụng Điều 135, 136 BLTTHS; khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc bị cáo D phải nộp 200.000 đồng án phí HSST và án phí DSST.

- Phần tranh luận:

Bị hại không trình bày lời buộc tội, không tranh luận và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo, không có ý kiến tranh luận

- *Lời nói sau cùng của các bị cáo:*

Bị cáo Lê Nhật D xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo xin lỗi bà K và ăn năn hối hận về hành vi của bị cáo đã gây ra cho bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa bị cáo D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, biên bản hỏi cung bị can cũng như lời khai của bị hại, người làm chứng, bản kết luận giám định, vật chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định: vào khoảng 12 giờ 30 phút ngày 17/8/2025, tại đoạn đường gần khu nhà trọ của chị H tại ấp P, xã P, chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhặt do lỗi của D mượn xe của chồng bà D3 Sờ Khan chưa trả mà để xe của chồng bà tại tiệm cầm đồ, bà K nghi ngờ bị cáo D lấy xe của chồng bà đem cầm cố, nên chửi D vài câu. D không giải thích cho bà K hiểu sự việc mà bực tức vì câu chửi của bị hại, nên bị cáo vào trong nhà trọ lấy con dao tự chế bằng kim loại, hung hăng chạy theo chém bà K, chị P có nắm tay D kéo lại để can ngăn, nhưng D vùng vẫy thoát ra được và chạy đến nơi bà K đang đứng. D cầm dao tay phải chém từ trên xuống một cái trúng trán phải của bà K gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể của D3 Sờ Khan tại thời điểm giám định là 03%. Mặc dù thương tích bị cáo gây ra cho bị hại Khan với tỷ lệ là 03% (dưới 11%), nhưng

hành vi của bị cáo là hung hăng, xem thường tính mạng con người. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "cố ý gây thương tích" theo điểm i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Lê Nhật D sử dụng loại dao tự chế bằng kim loại, cán bằng sắt, lưỡi sắc nhọn, chiều dài 80cm, trong đó chiều dài cán 20cm, chiều dài lưỡi dao 60cm, ngang rộng nhất lưỡi dao là 3.2cm theo biên bản giám định đây là loại dao sắc, nhọn thuộc Phụ lục 5 "Danh mục dao có tính sát thương cao" của Thông tư 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ C để gây thương tích cho bị hại Sờ K. Căn cứ vào Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ xác định hành vi của Lê Nhật D sử dụng "dao có tính sát thương cao" gây thương tích cho người khác đã phạm vào điểm d khoản 2 Điều 2 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ là hành vi "sử dụng trái phép vũ khí quân dụng" vì vậy bị cáo còn phạm thêm tội "Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng" theo khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ, động cơ, hành vi phạm tội của bị cáo: bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đủ nhận thức để nhận biết được hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật nhưng cố ý phạm tội. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi vì sức khoẻ của con người là vốn quý, bất khả xâm phạm được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm sức khoẻ của người khác đều phải được xử lý theo quy định pháp luật. Chỉ vì mâu thuẫn nhỏ mà bị cáo lại hung hăng dùng dao chém bị hại. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, không những dùng dao có tính sát thương cao xâm phạm trực tiếp đến sức khoẻ của bị hại mà còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, đồng thời thể hiện sự xem thường pháp luật.

[4] Tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo cũng tự nguyện bồi thường cho bị hại, tại phiên toà bị hại Danh Sờ K xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo D.

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tiền án, ngày 10/02/2015 bị Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xử phạt 02 năm tù về tội trộm cắp tài sản Bản án số 01/2015/HSST ngày 10/02/2020 (ra tù ngày 13/01/2017 chưa đóng tiền án phí Hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm, bị cáo chưa được xoá án tích mà lại tiếp tục phạm tội thuộc trường hợp "tái phạm" theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Căn cứ vào nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy:

- Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, chỉ vì mâu thuẫn nhỏ mà bị cáo dùng dao có tính sát thương cao chém từ trên xuống gây thương tích cho bị hại là 03%, bị cáo chém vào vùng đầu (là vùng trọng yếu của cơ thể) của bị hại thể hiện tính hung hăng, côn đồ. Vì vậy, cần xử phạt nghiêm đối với bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã

hội một thời gian để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội, chấp hành pháp luật đồng thời giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội. Hội đồng xét xử căn cứ điểm i khoản 1 Điều 134, khoản 1 Điều 304; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Nhật D 09 tháng tù về tội "cố ý gây thương tích" và 01 năm tù về tội "Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng".

Căn cứ vào khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự; tổng hợp hình phạt 09 tháng của tội "Cố ý gây thương tích" và hình phạt 01 năm của tội "Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng" buộc bị cáo Lê Nhật D phải chấp hành hình phạt bằng 01 năm 9 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Xét, yêu cầu của bị hại Danh S1 Khan yêu cầu bị cáo D bồi thường thiệt hại với số tiền 10.200.000đ gồm tiền chi phí điều trị bệnh theo hoá đơn là 2.316.589đ; tiền mất thu nhập trong thời gian điều trị bệnh (4 ngày) và nghỉ ngơi sau điều trị (14 ngày) tổng cộng là 18 ngày x 400.000đ/ngày = 7.200.000đ; tiền mất thu nhập của người nuôi bệnh 4 ngày x 400.000đ/ngày = 1.600.000đ; tiền tổn thất tinh thần bằng 02 tháng lương cơ sở (2 x 2.340.000đ) = 4.680.000đ, tổng cộng là 15.796.589đ. D đã đưa cho bà K trước 5.500.000đ, còn lại 10.296.589đ. Bà K chỉ yêu cầu D bồi thường cho bà K số tiền còn lại 10.200.000đ; bị cáo D cũng đồng ý theo yêu cầu của bị hại, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bị hại Danh Sờ K. Buộc bị cáo Lê Nhật D bồi thường thiệt hại cho bà D3 Sờ Khan số tiền 10.200.000đ

[7] Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: tịch thu tiêu huỷ 01 con dao tự chế bằng kim loại, cán bằng sắt, lưỡi sắc nhọn, chiều dài 80cm, là hung khí trong vụ án (Hiện đang nhập kho theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 02/4/2026 của Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 1-Vĩnh Long).

[8] Về các vấn đề khác:

Đối với việc đánh nhau giữa D với ông K1 không gây thương tích cho nhau, không ảnh hưởng đến sức khoẻ. D và ông K1 không yêu cầu giám định thương tích, không yêu cầu bồi thường. Do đó, không xem xét.

Đối với việc D mượn xe Attila biển số 65H9 – 3565 của ông K1, sau đó thế chấp cho anh T4 không có dấu hiệu lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản do D không có ý định chiếm đoạt chiếc xe này mà chỉ đổi với xe của D đang cầm cố tại tiệm của anh T4. Cùng ngày 17/8/2025 anh T4 đã trả xe cho ông K1, ông K1 không có yêu cầu gì. Anh T4 cũng không yêu cầu D trả lại cho anh T4 số tiền 500.000đ, nên không xem xét giải quyết.

Đối với số tiền 5.500.000đ mà bà D1 đã đưa cho bà K thay cho bị cáo D. Số tiền này bà D1 tặng cho bị cáo D, không có yêu cầu gì, không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Nhật D nộp 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 510.000đ tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 134; khoản 1 Điều 304; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025):

1. Tuyên bố bị cáo: Lê Nhật D phạm tội "Cố ý gây thương tích" và tội "Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng".

Xử phạt bị cáo Lê Nhật D 09 (chín) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích" và 01 (một) năm tù về tội "Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng". Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025); tổng hợp hình phạt 09 tháng của tội "Cố ý gây thương tích" và hình phạt 01 năm tù của tội "Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng". Buộc bị cáo Lê Nhật D phải chấp hành hình phạt bằng 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

2. Về trách nhiệm dân sự:

- Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Điều 584, Điều 585, Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Lê Nhật D có nghĩa vụ bồi thường thiệt cho bị hại Danh S Khan số tiền 10.200.000đ (Mười triệu, hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng:

- Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu huỷ 01 con dao tự chế bằng kim loại, cán bằng sắt, lưỡi sắc nhọn, chiều dài 80cm, trong đó chiều dài cán 20cm, chiều dài lưỡi dao 60cm, ngang rộng nhất lưỡi dao là 3.2cm (Hiện đang nhập kho theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 02/4/2026 của Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 1-Vĩnh Long).

4. Về án phí:

- Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Nhật D nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí Hình sự sơ thẩm và 510.000đ (Năm trăm mười nghìn đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo Lê Nhật D, bà Danh Sờ K, bà Lê Thị D1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Thị Ngọc Tú

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Vĩnh Long;
-VKSND tỉnh VL;
-VKSND khu vực 1-Vĩnh Long;
-Phòng thi hành án Dân sự khu vực 1-Vĩnh Long;
-Phòng hồ sơ CA tỉnh Vĩnh Long;
-Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
-UBND xã Vĩnh Thành, tỉnh Vĩnh Long;
- Công an xã Vĩnh Thành, tỉnh Vĩnh Long
-Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNV liên quan đến vụ án;
-Lưu hồ sơ vụ án./.